

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4, điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 4/2022 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

- Mã chứng khoán: CMW
- Địa chỉ: 204 Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau
- Điện thoại: (0290) 3836361 Fax: (0290) 33836723
- Email: ctycapnuoccamau@yahoo.com
- Website: <https://ctncamau.com.vn/>

2. Nội dung công bố thông tin:

- BCTC năm 2022 đã được kiểm toán theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc không có tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính

Có

Không

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Quý 4/2022;
- Văn bản giải trình số: 07/CBTT-CMW

NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Huỳnh Thiện Trị



CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CÀ MAU

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 7
3. Bảng cân đối kế toán	8 - 9
4. Báo cáo kết quả kinh doanh	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 41

A57
HINH
NG
IEM
AO
NG

2000
CÓN
CỘ P
CẤP N
CÀ M
MAU-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh đệ trình bản Báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau (dưới đây gọi tắt là Công ty) cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 31/12/2022.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau theo Quyết định số 1201/QĐ – UBND ngày 21/8/2012 của UBND tỉnh Cà Mau. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000101918 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 07/12/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông tại sàn UpCom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 198/QĐ – SGDHN ngày 24/3/2017 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CMW. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu là 10/4/2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 155.349.000.000 VND.

Vốn góp của chủ sở hữu thực tế tại ngày 31/12/2022 là 155.349.000.000 VND.

2. Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty có 2 Xí nghiệp và 8 Chi nhánh trực thuộc Công ty và 1 Xí nghiệp 100% vốn Ngân sách Công ty quản lý hộ. Tất cả các Xí nghiệp và Chi nhánh nêu trên đều không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc, hoạt động trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

Xí nghiệp, Chi nhánh trực thuộc Công ty

- Xí nghiệp Cấp nước thành phố Cà Mau 1 đặt tại đường Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, thành phố Cà Mau.
- Xí nghiệp Cấp nước thành phố Cà Mau 2 đặt tại 931 đường Ngô Quyền, phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau.
- Chi nhánh Cấp nước Trần Văn Thời đặt tại thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.
- Chi nhánh Cấp nước Sông Đốc đặt tại Khóm 11, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.
- Chi nhánh Cấp nước Thới Bình đặt tại Khóm 1, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.
- Chi nhánh Cấp nước Cái Nước đặt tại Khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
- Chi nhánh Cấp nước Đầm Dơi đặt tại đường Trần Văn Phú, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.
- Chi nhánh Cấp nước Phú Tân đặt tại Khóm 1, thị trấn Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.
- Chi nhánh Cấp nước Ngọc Hiển đặt tại thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.
- Chi nhánh Cấp nước U Minh đặt tại Khóm 2, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

50-00
HÀNH
Y TNHH
TOÁN
VIỆT
P. CÀ MAU

01918-
C TY
HÀNH
ƯỚC
IAU
P. CÀ MAU

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Xí nghiệp hoạt động bằng 100% vốn Ngân sách nhà nước, Công ty được giao quản lý hệ cho UBND Tỉnh Cà Mau

- Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn đặt tại Khu vực 1, Khóm 2, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Cà Mau và các huyện trong tỉnh;
- Thiết kế và thi công giếng nước ngầm vừa và nhỏ (có công suất dưới 70m³/h);
- Tư vấn thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước;
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước;
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước và các sản phẩm liên quan đến nước sạch.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động nêu trên.

4. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong năm 2022 và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hồ Tấn Luật	Chủ tịch	28/6/2020	
Ông Trần Hoàng Khện	Thành viên	28/6/2020	
Ông Phạm Phước Tài	Thành viên	28/6/2020	
Ông Trịnh Kiên	Thành viên	28/6/2020	

Ngày 28/6/2020, Công ty đã họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, bầu lại Hội đồng quản trị cho Công ty nhiệm kỳ II từ năm 2020 đến 2025.

5. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm 2022 và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Mai Thị Hiền	Trưởng ban	28/6/2020	
Bà Phan Thị Hà Thanh	Kiểm soát viên	28/6/2020	
Bà Văn Hải Lý	Kiểm soát viên	28/6/2020	

Ngày 28/6/2020, Công ty đã họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, bầu lại Ban kiểm soát cho Công ty nhiệm kỳ II từ năm 2020 đến 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty đương nhiệm trong năm 2022 và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Hoàng Khện	Tổng Giám đốc	28/6/2020	
Ông Phạm Phước Tài	Phó Tổng Giám đốc	28/6/2020	
Ông Phạm Tấn Phong	Phó Tổng Giám đốc	28/6/2020	
Ông Huỳnh Thiện Trị	Kế toán trưởng	28/6/2020	

Ngày 28/6/2020, Hội đồng quản trị đã bầu lại Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng cho Công ty nhiệm kỳ II từ năm 2020 đến 2025.

Người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đương nhiệm trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức danh
- Ông Hồ Tấn Luật	Chủ tịch HĐQT

Theo quy định của Điều lệ Công ty, Ông Trần Hoàng Khện, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty nên Ông Trần Hoàng Khện sẽ chịu trách nhiệm ký Báo cáo tài chính năm 2022.

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 8 đến trang 41.

8. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có

9. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

10. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

11. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

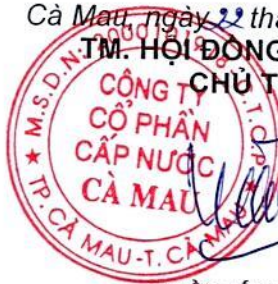
12. **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được lập và thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cà Mau, ngày 22 tháng 03 năm 2023

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



HỒ TẤN LUẬT



Số: 21.22/2023/BCKT/SV – CN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau (“Công ty”) được lập ngày 22 tháng 03 năm 2023 từ trang 8 đến trang 41 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM

366/7A Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Tel : (84-028) 3553 3730 - 3553 3731 * Fax : (84-028) 3553 3732
Email : saoviet1011@vnn.vn

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ

Lô 66, Đường số 11, Khu dân cư công ty Cổ phần xây dựng TP.Cần Thơ,
P.Hung Thạnh, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ
Tel : (0292) 3765 999 * Fax: (0292) 3765 766 * Email : svc-ct@vnn.vn

50-0
HÀNG
Y TN
TOÁN
VIỆ
TP.C
101
NG TY
PHÂN
NƯỚC
MAU
T.CÀ

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận số dư của các khoản mục công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với số tiền như sau:

Khoản mục	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.992.822.210
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	503.543.731
Phải thu khác	5.407.654.783
Phải trả người bán ngắn hạn	6.173.528.863
Trả trước cho người bán ngắn hạn	956.125.825
Phải trả ngắn hạn khác	16.491.284.615

Với những tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác để có thể kiểm tra tính có thực và đầy đủ của số dư các khoản công nợ nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh tại điểm 5.2, mục V của Thuyết minh Báo cáo tài chính, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, chi phí chờ phân bổ loại ra không tính vào giá trị doanh nghiệp của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn để cổ phần hóa theo chủ trương của UBND tỉnh Cà Mau cùng với chi phí sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp thoát nước Năm Căn phát sinh sau thời điểm cổ phần hóa Công ty chi hệ tính đến ngày 31/12/2022 là 23.815.660.576 VND.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh tại điểm 5.3, mục V của Thuyết minh Báo cáo tài chính, tổng số dư chi phí cổ phần hóa tính tại ngày 31/12/2022 được Công ty ghi nhận ở khoản mục phải thu về cổ phần hóa số tiền 3.857.943.287 VND. Tại ngày 08/02/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định số 179/QĐ-UBND về việc phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Công ty sẽ thực hiện trong năm 2023.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh tại điểm 16.4 và 16.5, mục V của Thuyết minh Báo cáo tài chính, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Công ty đã được UBND tỉnh ban hành phê duyệt số: 179/QĐ-UBND ngày 08/02/2023. Công ty sẽ thực hiện nộp các khoản tiền từ việc cổ phần hóa, bán đấu giá cổ phần trong năm 2023 và khoản thoái vốn của Nhà nước (khi được phê duyệt) cũng như chưa bù trừ, xử lý các khoản công nợ có liên quan nêu tại điểm 5.3, mục V của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh tại điểm 1, mục VIII của Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty chưa phản ánh nghĩa vụ phải trả liên quan đến phí dịch vụ môi trường rừng do địa phương chưa thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cũng như chưa có văn bản từ cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn vấn đề này với giá trị ước tính từ năm 2011 đến 31/12/2022 là 8.267.170.564 VND. Khoản này, về nguyên tắc sẽ cấu thành trong giá bán nước, Công ty chỉ có nghĩa vụ thu hộ và nộp lại cho Ngân sách.

Chúng tôi lưu ý đến người đọc Báo cáo tài chính của Công ty về việc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Cà Mau giao cho Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau theo dõi hạch toán độc lập đối với Dự án hệ thống cấp nước Năm Căn thuộc Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn được đầu tư 100% vốn thuộc sở hữu Nhà nước. Tuy nhiên, đến nay Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn vẫn chưa có pháp nhân hạch toán độc lập, chưa có Mã số thuế riêng nên mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp này vẫn đang được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty. Lợi nhuận sau thuế cho năm 2022 trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm cả lợi nhuận sau thuế của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn là 92.668.368 VND.



Đặng Thị Thiên Nga
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462 -2023-107-1
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt
Cần Thơ, ngày 22 tháng 03 năm 2023

Trần Phương Yến
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 3601-2021-107-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

				Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		97.116.976.519	90.410.676.485	
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	29.279.853.014	27.903.236.992	
1. Tiền	111		1.779.853.014	1.020.740.992	
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.500.000.000	26.882.496.000	
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		500.000.000	500.000.000	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	500.000.000	500.000.000	
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		43.197.431.467	45.651.338.007	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.224.220.243	6.167.290.200	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.112.588.825	1.823.436.360	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	37.860.622.399	37.660.611.447	
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-	
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-	
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.6	23.065.167.653	14.960.089.148	
1. Hàng tồn kho	141		23.065.167.653	14.960.089.148	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-	
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		1.074.524.385	1.396.012.338	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		434.733.815	984.833.497	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	V.13	639.790.570	411.178.841	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-	
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		251.165.471.640	247.406.137.348	
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-	
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-	
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-	
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-	
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		207.234.150.740	209.034.803.173	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	203.024.034.653	203.797.451.350	
- Nguyên giá	222		430.006.892.679	407.682.367.470	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(226.982.858.026)	(203.884.916.120)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	4.210.116.087	5.237.351.823	
- Nguyên giá	228		4.805.420.595	5.712.731.504	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(595.304.508)	(475.379.681)	
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-	
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		5.679.548.056	3.581.467.336	
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	5.679.548.056	3.581.467.336	
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-	
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		38.251.772.844	34.789.866.839	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	38.251.772.844	34.789.866.839	
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-	
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		348.282.448.159	337.816.813.833	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		179.497.288.913	169.944.712.785
I. Nợ ngắn hạn	310		159.454.186.231	154.252.372.477
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	12.993.747.952	8.093.778.588
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	503.543.731	569.543.713
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	512.580.793	2.401.880.765
4. Phải trả người lao động	314	V.14	6.458.105.577	6.305.879.178
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	25.043.845	16.029.598
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	119.413.189.192	117.099.955.825
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	18.907.526.689	19.113.870.372
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		640.448.452	651.434.438
II. Nợ dài hạn	330		20.043.102.682	15.692.340.308
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	20.043.102.682	15.692.340.308
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		168.785.159.246	167.872.101.048
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	168.785.159.246	167.872.101.048
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		155.349.000.000	155.349.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.349.000.000	155.349.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.021.309.782	1.838.968.570
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		892.111.096	892.111.096
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.522.738.368	9.792.021.382
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.277.484.429	18.904.379
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.245.253.939	9.773.117.003
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		348.282.448.159	337.816.813.833

Trần Ngọc Thúy
Người lập

Huỳnh Thiện Trị
Kế toán trưởng



Trần Hoàng Khện

Tổng Giám Đốc


Cà Mau, ngày 29 tháng 03 năm 2023


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 31/12/2022


Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		116.128.808.764	110.455.551.873
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	116.128.808.764	110.455.551.873
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	80.469.126.049	82.560.939.289
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		35.659.682.715	27.894.612.584
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	28.331.171	19.442.942
7. Chi phí tài chính	22		2.413.396.440	1.922.548.317
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.413.396.440	1.922.548.317
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	3.945.033.991	5.055.527.531
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	18.342.576.743	18.376.545.273
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.987.006.712	2.559.434.405
11. Thu nhập khác	31	VI.6	632.604.082	10.748.085.119
12. Chi phí khác	32	VI.7	50.434.696	1.281.354.021
13. Lợi nhuận khác	40		582.169.386	9.466.731.098
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.569.176.098	12.026.165.503
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	2.323.922.159	2.253.048.500
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.245.253.939	9.773.117.003
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	589	452


Trần Ngọc Thúy
Người lập


Huỳnh Thiện Trị
Kế toán trưởng




Trần Hoàng Khện
Tổng Giám đốc
Cà Mau, ngày 29 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 31/12/2022**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	137.862.163.818	67.986.807.501
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(63.973.599.250)	(37.390.412.512)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(24.513.324.980)	(14.327.523.463)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.406.983.146)	(963.555.813)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.176.896.427)	(1.980.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.604.213.729	2.703.309.234
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(40.153.376.191)	(19.752.518.048)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.242.197.553	(3.723.893.101)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.220.948.852)	(3.095.613.764)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(500.000.000)	(500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.766.034	4.939.872
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.215.182.818)	(3.490.673.892)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	52.308.505.859	24.597.837.971
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(48.145.456.617)	(13.894.080.465)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.813.447.955)	(6.551.467.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.650.398.713)	4.152.289.706
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.376.616.022	(3.062.277.287)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	27.903.236.992	30.965.514.279
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	29.279.853.014	27.903.236.992



Trần Ngọc Thúy
Người lập



Huỳnh Thiện Trị
Kế toán trưởng



Trần Hoàng Khện

Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 29 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau theo Quyết định số 1201/QĐ – UBND ngày 21/8/2012 của UBND tỉnh Cà Mau, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000101918 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 07/12/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 155.349.000.000 VND bao gồm 15.534.900 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND với tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2022 như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Cà Mau)	11.105.700	111.057.000.000	71,49%
- Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP	3.769.700	37.697.000.000	24,26%
- Các cổ đông khác	659.500	6.595.000.000	4,25%
Cộng	15.534.900	155.349.000.000	100,00%

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông tại sàn UpCom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 198/QĐ – SGDHN ngày 24/3/2017 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CMW. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu là 10/4/2017.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp nước sạch và các dịch vụ có liên quan.

3. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Cà Mau và các huyện trong tỉnh;
- Thiết kế và thi công giếng nước ngầm vừa và nhỏ (có công suất dưới 70m³/h);
- Tư vấn thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước;
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước;
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước và các sản phẩm liên quan đến nước sạch.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động nêu trên.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:** không có

6. **Cấu trúc doanh nghiệp**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty có 2 Xí nghiệp và 8 Chi nhánh trực thuộc Công ty và 1 Xí nghiệp 100% vốn ngân sách Công ty quản lý hộ. Tất cả các Xí nghiệp và Chi nhánh nêu trên đều không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc, hoạt động trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

Xí nghiệp, Chi nhánh trực thuộc Công ty

- Xí nghiệp Cấp nước thành phố Cà Mau 1 đặt tại đường Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, thành phố Cà Mau.
- Xí nghiệp Cấp nước thành phố Cà Mau 2 đặt tại 931 đường Ngô Quyền, phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau.
- Chi nhánh Cấp nước Trần Văn Thời đặt tại thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.
- Chi nhánh Cấp nước Sông Đốc đặt tại Khóm 11, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.
- Chi nhánh Cấp nước Thới Bình đặt tại Khóm 1, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.
- Chi nhánh Cấp nước Cái Nước đặt tại Khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
- Chi nhánh Cấp nước Đầm Dơi đặt tại đường Trần Văn Phú, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.
- Chi nhánh Cấp nước Phú Tân đặt tại Khóm 1, thị trấn Cái Đoi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.
- Chi nhánh Cấp nước Ngọc Hiển đặt tại thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.
- Chi nhánh Cấp nước U Minh đặt tại Khóm 2, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Xí nghiệp hoạt động bằng 100% vốn Ngân sách nhà nước, Công ty được giao quản lý hộ cho UBND Tỉnh Cà Mau

- Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn đặt tại Khu vực 1, Khóm 2, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Thông tin về công ty con: không có

7. **Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 253 người.
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 243 người.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Thông tin so sánh

Các số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 62.337.209.712 VND (tại ngày 01/01/2022 là 63.841.695.992 VND), điều này ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng Công ty không gặp vấn đề gì về thanh toán nợ ngắn hạn vì phần lớn giá trị các khoản phải trả liên quan đến Ngân sách Nhà nước và người lao động. Đây là các khoản phải trả đang chờ Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền xử lý và quyết toán cổ phần hóa.

4. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng: không có.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và nợ phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Lượt kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc Hội ban hành ngày 20/11/2015 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm các quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này nên Ban Tổng Giám đốc đang xem xét và áp dụng đối với tài sản và nợ phải trả theo nguyên tắc giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Riêng khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng đang được ghi nhận ở khoản mục các khoản tương đương tiền là khoản công nợ chờ quyết toán cổ phần hóa với Ngân sách Nhà nước. Khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn này thu được, Công ty ghi nhận vào khoản mục phải trả ngân sách mà không ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính của Công ty.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị, cá nhân độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào mức tổn thất dự kiến để lập dự phòng.

Tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên phù hợp với tỷ lệ quy định tại Thông tư số 48/2019/TT – BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài Chính.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Phương pháp tính giá xuất kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của từng mặt hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

8. TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

cổ định đổ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng các tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 31 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	04 - 25 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

9. TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan đến đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Công ty lâu dài nên không trích khấu hao.

Chương trình phần mềm kế toán

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm kế toán không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 6 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tối đa không quá 3 năm.

Chi phí lắp đặt ống nhánh

Chi phí lắp đặt ống nhánh được phân bổ theo chu kỳ kiểm định phương tiện đo lường thuộc danh mục đo lường tại Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ khoa học và công nghệ, trong đó có đồng hồ đo nước lạnh có chu kỳ kiểm định là 60 tháng.

Các chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

11. Chi phí tiền lương

Công ty trích quỹ tiền lương tính vào chi phí theo Công văn số 484/LĐTĐBXH – GDNNVL ngày 07/3/2022 của Sở Lao động Thương Binh và Xã hội Tỉnh Cà Mau và Công văn số 2216/UBND-KT ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh Cà Mau và đã thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

12. Nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi nhận giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được biếu, tặng, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các khoản chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi được ghi nhận theo nguyên tắc dự thu dựa trên thời gian và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với các khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp, thận trọng và bảo toàn vốn, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực và hợp lý.

18. Chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên sơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	362.383.393		79.176.071
Tiền gửi ngân hàng	1.417.469.621		941.564.921
Các khoản tương đương tiền – Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	<u>27.500.000.000</u>	1.1	<u>26.882.496.000</u>
Cộng	<u>29.279.853.014</u>		<u>27.903.236.992</u>

1.1. Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>
- NH TMCP Công thương VN, CN Cà Mau - TKCKH 3T (*)	<u>27.500.000.000</u>		<u>26.882.496.000</u>
Cộng	<u>27.500.000.000</u>		<u>26.882.496.000</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn này là khoản tiền chờ quyết toán cổ phần hóa với Ngân sách Nhà nước nên lãi từ khoản tiền gửi có kỳ hạn này được Công ty ghi nhận vào khoản mục phải trả mà không ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính của Công ty. Tại thời điểm 31/12/2022, tổng tiền lãi lũy kế phải trả là 6.172.401.115 VND. (Tại thời điểm 31/12/2021, tổng tiền lãi lũy kế phải trả là 5.545.824.068 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

<i>Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- NH TMCP Ngoại thương VN, CN Cà Mau	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn này là khoản tiền nhàn rỗi của Công ty.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Dự phòng</i>
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	4.224.220.243	-	6.167.290.200	-
<i>Phải thu các công trình xây lắp</i>	<i>669.566.750</i>	-	<i>669.566.750</i>	-
BQL Dự Án Thành Phố Cà Mau	36.500.000	-	36.500.000	-
BQL DA khu đô thị trung tâm Hành Chính	39.300.000	-	39.300.000	-
Ban Quản lý công trình huyện Cái Nước	160.869.600	-	160.869.600	-
Công ty TNHH TV Xây Dựng Trường Sơn	55.710.000	-	55.710.000	-
Cty CP Xây Dựng Nam Thăng Long	165.026.900	-	165.026.900	-
Cty TNHH Hùng Tiến	54.140.250	-	54.140.250	-
Phòng Quản lý Đô Thị Cà Mau	158.020.000	-	158.020.000	-
Phải thu tiền nước và lắp đặt ống nhánh	3.554.653.493	-	5.497.723.450	-
Tiền nước	2.231.398.033	-	5.497.273.450	-
Dịch vụ thoát nước đô thị	1.311.973.357	-	-	-
Lắp đặt ống nhánh	11.282.103	-	-	-
Nhân công mở nước	-	-	450.000	-
Cộng	4.224.220.243	-	6.167.290.200	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Dự phòng</i>
Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.112.588.825	-	1.823.436.360	-
Công ty TNHH Phát triển xanh Việt Nam	-	-	216.267.625	-
Công ty TNHH LĐTĐ Thi công Thuận Phát	491.315.700	-	480.374.400	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư XD An Sơn	119.413.000	-	253.515.200	-
Công ty TNHH MTV Tài nguyên Thành Long	-	-	149.280.000	-
Công ty TNHH Kỹ thuật xử lý nước Sài Gòn	-	-	272.910.000	-
Các nhà cung cấp khác	501.860.125	-	451.089.135	-
Cộng	1.112.588.825	-	1.823.436.360	-

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Dự phòng</i>
Dư nợ 138 – Phải thu khác	35.893.708.817	-	36.027.023.464	-
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>35.353.167.395</i>	-	<i>32.789.450.359</i>	-
- Phải thu liên quan đến khiếu nại của 32 lao động trước cổ phần hoá (5.1)	4.894.565.698	-	4.894.565.698	-
- Tài sản dự án Năm Căn (5.2)	23.815.660.576	-	21.251.943.540	-
- Phải thu chi phí cổ phần hoá (5.3)	3.857.943.287	-	3.857.943.287	-
- Phải thu cổ phần hoá về cổ phần ưu đãi (5.4)	2.377.200.000	-	2.377.200.000	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc với các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Phải thu chi phí thoái vốn DN lần 2	407.797.834	-	407.797.834	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	540.541.422	-	3.237.573.105	-
- Phải thu phí bảo vệ môi trường	185.553.204	-	455.010.152	-
- Phải thu Thuế tài nguyên	-	-	2.524.092.960	-
- Các khoản phải thu khác	354.988.218	-	258.469.993	-
Dự nợ 141 – Tạm ứng	1.657.033.887	-	1.323.715.539	-
Dự nợ 244 – Ký quỹ	309.879.695	-	309.872.444	-
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau	275.250.000	-	275.250.000	-
- Bảo lãnh dự thầu CT di dời ống nước	30.000.000	-	30.000.000	-
- Lãi ký quỹ và ký quỹ khác	4.629.695	-	4.622.444	-
Cộng	37.860.622.399	-	37.660.611.447	-

5.1. Đây là khoản Công ty đã thanh toán cho người lao động, bao gồm án phí và các khoản bồi thường cho người lao động về việc tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty thuộc giai đoạn sau cổ phần hóa. Khoản này đang chờ quyết toán chi phí cổ phần hoá với Ngân sách Nhà nước.

5.2. Khoản phải thu này bao gồm giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, chi phí chờ phân bổ loại ra không tính vào giá trị doanh nghiệp của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn (gọi tắt là Xí nghiệp Năm Căn) để cổ phần hóa theo chủ trương của UBND tỉnh Cà Mau cùng với chi phí sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp thoát nước Năm Căn phát sinh sau thời điểm cổ phần hóa Công ty chi hộ. Việc xử lý giá trị này sẽ tùy thuộc vào quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tỉnh Cà Mau. Giá trị phát sinh tăng trong kỳ liên quan đến chi phí sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp thoát nước Năm Căn đã được UBND tỉnh Cà Mau phê duyệt sẽ được quyết toán đối trừ với nguồn lợi nhuận sau thuế giữ lại của Xí Nghiệp Năm Căn. Thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh Cà Mau tại Công văn số 5532/UBND-KT ngày 23/8/2022 và Công văn số 2688/STC-ĐTĐN ngày 02/8/2022 của Sở Tài chính Cà Mau, Công ty tiến hành xác định lại giá trị khấu hao, phân bổ và phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ theo quy định giai đoạn từ 2016-2021; năm 2022, tiến hành trích khấu hao theo quy định.

5.3. Đây là chi phí thực hiện công tác cổ phần hóa, bao gồm cả chi phí trợ cấp thôi việc và xử lý lao động dôi dư trước khi cổ phần hóa. Công ty hiện đã xin ý kiến UBND tỉnh Cà Mau để quyết toán các khoản chi phí này. UBND tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 về việc phê duyệt quyết toán cổ phần hóa và Công ty sẽ thực hiện trong năm 2023.

5.4. Đây là khoản phải thu về việc bán cổ phần ưu đãi cho người lao động khi thực hiện cổ phần hóa tương ứng với khoản phải trả về cổ phiếu ưu đãi. Ngày 08/02/2023, UBND tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 về việc phê duyệt quyết toán cổ phần hóa và trong năm 2023, Công ty sẽ thực hiện thực hiện bù trừ với phần nợ phải trả khác tại mục 11 của bản thuyết minh này.

6. Hàng tồn kho

Khoản mục	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	22.462.257.653	14.960.089.148
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	602.910.000	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	23.065.167.653	14.960.089.148
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	23.065.167.653	14.960.089.148

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

6.1. Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho tại Công ty và các đơn vị trực thuộc như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Văn phòng Công ty	19.761.220.159	12.208.362.071
- Các chi nhánh trực thuộc Công ty	2.667.355.360	2.726.826.970
- Nhiên liệu	33.682.134	24.900.107
Cộng	<u>22.462.257.653</u>	<u>14.960.089.148</u>

6.2. Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại Công ty và các đơn vị trực thuộc như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Xí nghiệp Cấp nước, TP Cà Mau	602.910.000	-
Cộng	<u>602.910.000</u>	<u>-</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	22.532.453.864	12.862.696.242	369.533.760.044	2.753.457.320	407.682.367.470
Mua trong năm	-	321.735.200	248.176.075	-	569.911.275
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.184.072.798	8.077.090.795	9.924.784.587	-	19.185.948.180
Điều chỉnh theo BBT	-	-	2.568.665.754	-	2.568.665.754
Số cuối năm	23.716.526.662	21.261.522.237	382.275.386.460	2.753.457.320	430.006.892.679
Hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	15.458.631.625	7.943.799.207	178.700.271.854	1.782.213.434	203.884.916.120
Khấu hao trong năm	1.471.140.055	1.086.718.568	20.423.504.694	116.578.589	23.097.941.906
Số cuối năm	16.929.771.680	9.030.517.775	199.123.776.548	1.898.792.023	226.982.858.026
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	7.073.822.239	4.918.897.035	190.833.488.190	971.243.886	203.797.451.350
Số cuối năm	6.786.754.982	12.231.004.462	183.151.609.912	854.665.297	203.024.034.653
TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng					
Số đầu năm	594.852.389	313.051.809	958.684.714	114.936.364	1.981.525.276
Số cuối năm	1.522.314.012	1.379.258.138	2.895.254.819	820.357.503	6.617.184.472

- Giá trị còn lại của TSCĐHH đã thế chấp, cầm cố các khoản vay: 14.455.200.705

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	San lấp mặt bằng	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	3.910.809.030	894.611.565	907.310.909	5.712.731.504
Kết chuyển sang Chi phí XDCBDD chờ công trình xây dựng	-	-	(907.310.909)	(907.310.909)
Số cuối năm	3.910.809.030	894.611.565	-	4.805.420.595
Hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	-	475.379.681	-	475.379.681
Khấu hao trong năm	-	119.924.827	-	119.924.827
Số cuối năm	-	595.304.508	-	595.304.508
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	3.910.809.030	419.231.884	907.310.909	5.237.351.823
Số cuối năm	3.910.809.030	299.307.057	-	4.210.116.087
TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				
Số đầu năm	-	193.000.000	-	193.000.000
Số cuối năm	-	193.000.000	-	193.000.000

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố các khoản vay: không có

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công trình	Số cuối năm	Số đầu năm
- Xây dựng các hệ thống cấp nước	960.178.982	827.958.432
- Chi phí san lấp mặt bằng	907.310.909	-
- Phần mềm chăm sóc khách hàng	240.767.088	-
- Các công trình khác	3.571.291.077	2.753.508.904
Cộng	5.679.548.056	3.581.467.336

10. Chi phí trả trước dài hạn

Khoản mục	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lắp đặt ống nhánh, chi phí lắp đặt thủy lượng kế chờ phân bổ	23.975.647.000	13.393.096.520
- Giá trị còn lại của CCDC chờ phân bổ	4.470.404.146	15.345.493.383
- Chi phí trám lấp các giếng khoan không còn sử dụng chờ phân bổ	971.817.750	1.083.674.527
- Chi phí trả trước dài hạn khác	8.833.903.948	4.967.602.409
Cộng	38.251.772.844	34.789.866.839

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên có liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và các cá nhân khác	12.993.747.952	8.093.778.588
- Xí nghiệp Cấp nước	2.252.312.534	2.252.312.534
- Điện Lực Cà Mau	421.652.968	-
- Công ty CP Hawaco Miền Nam	993.600.000	-
- Công ty TNHH MTV Xây Lắp Nước 94	-	1.074.471.952
- Công ty TNHH MTV Xây Dựng Lê Vy	1.807.375.700	604.669.800
- Công ty TNHH TMDVKT Đức Hùng	3.657.690.000	-
- Công ty TNHH Khoan Địa Chất CT – ĐCTV Hoàng Kim	-	1.150.683.000
- Các nhà cung cấp khác	3.861.116.750	3.011.641.302
Cộng	12.993.747.952	8.093.778.588

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các bên có liên quan trả tiền trước	-	-
Các tổ chức và các cá nhân khác trả tiền trước	503.543.731	569.543.713
- Khách hàng trả trước tiền xây lắp theo tiến độ	503.543.731	503.985.845
- Khách hàng trả trước tiền lắp đặt ống ngành và vô nước sạch	-	65.557.868
Cộng	503.543.731	569.543.713

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
- Thuế GTGT	411.178.841	-	602.540.840	546.449.769	355.087.770	-
- Thuế TNDN	-	853.478.461	2.062.447.139	3.200.628.400	284.702.800	-
- Thuế TNCN	-	-	5.106.965.417	5.106.965.417	-	-
- Thuế tài nguyên	-	510.783.035	6.447.714.000	6.448.479.000	-	510.018.035
- Thuế nhà đất	-	-	35.276.012	35.276.012	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.037.619.269	12.211.960.573	13.247.017.084	-	2.562.758
Cộng	411.178.841	2.401.880.765	26.466.903.981	28.584.815.682	639.790.570	512.580.793

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế. Do vậy, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 có thể sẽ thay đổi khi có quyết toán của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2022 được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.569.176.099	12.026.165.503
- Các khoản điều chỉnh tăng	50.434.696	1.534.905
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	11.619.610.795	12.027.700.408
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	11.619.610.795	12.027.700.408
Trong đó,		
Thu nhập tính thuế được giảm 30%	-	2.541.526.368
Thu nhập tính thuế không được giảm 30%	11.619.610.795	9.486.174.040
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.323.922.159	2.405.540.082
Thuế TNDN được giảm	-	(152.491.582)
Thuế TNDN giảm các năm trước theo BBTT	(261.475.020)	
Thuế	(261.475.020)	
Tổng thuế TNDN phải nộp	2.062.447.139	2.253.048.500

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Theo Nghị định 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, Công ty thuộc các đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng và phải nộp vào Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng của địa phương. Tuy nhiên, theo Công văn số 4988/UBND-KT ngày 27/7/2016 của UBND tỉnh Cà Mau thì tỉnh Cà Mau chưa thành lập Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng. Bên cạnh đó, Giá bán nước sạch hiện tại Công ty thực hiện theo Quyết định 17/2013/QĐ-UBND ngày 12/11/2013, trong cơ cấu giá chưa có phí dịch vụ môi trường rừng. Ngày 07/11/2022, Sở Tài Chính Cà Mau đã có đã có Công văn số 4119/STC-GCS về việc tham mưu xây dựng lộ trình điều chỉnh giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với các yếu tố cấu thành đơn giá nước hiện tại, trong đó có bao gồm cả phí dịch vụ môi trường rừng nêu trên chưa được UBND tỉnh ban hành quyết định điều chỉnh.

14. Phải trả người lao động

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Tiền lương phải trả	6.458.105.577	6.305.879.178
Cộng	6.458.105.577	6.305.879.178

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Chi phí lãi vay phải trả	25.043.845	16.029.598
Cộng	25.043.845	16.029.598

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Phải trả các bên có liên	116.100.298.321	114.579.021.651
UBND Tỉnh Cà Mau	116.100.298.321	114.579.021.651
- Tạm ứng vốn thi công (16.1)	12.450.000.000	12.000.000.000
- Quỹ tiền lương trước 2006 chưa chi	173.009.462	182.178.590
- Quỹ khen thưởng – phúc lợi trước CPH chưa chi (16.2)	2.073.327.049	2.124.621.703
- Thuế tài nguyên phải hoàn lại cho NS (16.3)	8.422.722.654	8.422.722.654
- Phải trả cổ phần hóa (40% cổ phần ưu đãi) (16.4)	2.377.200.000	2.377.200.000
- Phải trả Ngân sách Nhà nước (16.5)	30.291.229.630	30.291.229.630
- Phải trả Ngân sách Nhà nước từ bán đấu giá cổ phần lần 1 (16.5)	18.641.000.000	18.641.000.000
- Lãi tiền gửi từ việc bán cổ phần (16.5)	6.172.401.115	5.545.824.068
- Phải trả Ngân sách Nhà nước từ cổ phần thoái vốn năm 2018	29.236.994.442	29.236.994.442
- Dự án cấp nước, mở rộng và nâng cấp XN Cà Mau (16.6)	1.264.527.195	1.264.527.195
- Lợi nhuận sau thuế của Năm Căn nộp NS (16.7)	4.997.886.774	4.492.723.369
Phải trả các đối tượng khác	3.312.890.871	2.520.934.174
- KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	279.923.914	271.456.395
- Phí bảo vệ môi trường phải nộp	185.430.278	690.014.277
- Cổ tức phải trả	70.779.259	69.684.159
- Các khoản phải trả khác	2.776.757.420	1.489.779.343
Cộng	<u>119.413.189.192</u>	<u>117.099.955.825</u>

16.1. Đây là khoản tạm ứng vốn từ Ngân sách Nhà nước để thực hiện thi công công trình cấp nước nhưng đến nay Công ty chưa quyết toán.

16.2. Đây là số dư quỹ khen thưởng phúc lợi phải trả cho người lao động trước khi cổ phần hóa. Hiện nay, Công ty đang thực hiện chi trả dần theo phương án từ năm 2018 đến 2022 đã được phê duyệt.

16.3. Đây là khoản tiền được UBND tỉnh Cà Mau cấp để nộp thuế tài nguyên từ năm 2009 đến năm 2011 vào ngân sách Nhà nước do giai đoạn đó UBND tỉnh Cà Mau yêu cầu Công ty không tăng đơn giá nước và không tính thuế tài nguyên vào đơn giá nước nhưng sau đó Kiểm toán Nhà nước vẫn quyết định truy thu thuế tài nguyên.

16.4. Đây là khoản phải trả liên quan đến chênh lệch giữa mệnh giá và giá cổ phần ưu đãi bán cho người lao động khi cổ phần hóa chờ quyết toán chi phí cổ phần hóa với Ngân sách.

16.5. Đây là khoản phải nộp về Ngân sách Nhà nước từ việc cổ phần hóa đang chờ phê duyệt quyết toán. Tiền chưa trả từ nguồn phải trả này Công ty gửi tiết kiệm có kỳ hạn với số dư tại 31/12/2022 là 27.500.000.000 VND. Lãi tương ứng từ nguồn gửi tiết kiệm này Công ty không ghi nhận vào thu nhập của Công ty mà sẽ được quyết toán chi phí cổ phần hóa với ngân sách Nhà nước số tiền 6.172.401.115 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16.6. Đây là kinh phí hoạt động liên quan đến Dự án cấp nước, mở rộng và nâng cấp Xí Nghiệp Cà Mau. Khoản này sẽ được đối chiếu, quyết toán với các nhà thầu.

16.7. Đây là lợi nhuận sau thuế từ hoạt động sản xuất từ trước năm 2019 của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn được Công ty đang theo dõi và quản lý hộ theo Quyết định của UBND tỉnh Cà Mau. Khoản lợi nhuận này sẽ được xác định lại khấu hao, phân bổ và trích lập các quỹ theo chỉ đạo của UBND tỉnh Cà Mau tại Công văn số 5532/UBND-KT ngày 23/8/2022 và Công văn số 2688/STC-ĐTDN ngày 02/8/2022 của Sở Tài chính Cà Mau. Phần khấu hao, phân bổ sau khi xác định lại sẽ được dùng để bù đắp cho công tác cải tạo, nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước cho Xí Nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn. Toàn bộ tài sản cố định hữu hình, vô hình cũng như các chi phí chờ phân bổ của Xí Nghiệp đang được Công ty giữ hộ theo dõi trên Tài khoản 138 – Phải thu khác với tổng giá trị là 23.815.660.576 VND đã không được phân bổ vào chi phí kinh doanh của Xí nghiệp Năm Căn.

17. Vay ngắn hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Vay ngắn hạn	18.907.526.689	19.113.870.372
Cộng	<u>18.907.526.689</u>	<u>19.113.870.372</u>

Chi tiết số dư khoản vay ngắn hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- NH TMCP Công Thương VN, CN Cà Mau (17.1)	4.992.784.809	7.116.653.876
- NH TMCP Ngoại thương VN – CN Cà Mau (17.2)	12.049.999.254	10.132.473.870
- NH Phát triển Việt Nam, KV Minh Hải (Vay lại từ nguồn vốn ODA – Vay dài hạn đến hạn trả) (17.3)	1.864.742.626	1.864.742.626
Cộng	<u>18.907.526.689</u>	<u>19.113.870.372</u>

17.1. Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chi nhánh Cà Mau với hạn mức là 15 tỷ, duy trì đến ngày 26/7/2023. Kỳ hạn vay không quá 3 tháng, lãi suất điều chỉnh 1 lần 1 tháng, lãi vay được trả vào ngày 26 mỗi tháng. Khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

17.2. Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Cà Mau với hạn mức vay 15 tỷ, với thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động tài trợ các nhu cầu vốn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của Công ty tại Ngân hàng và toàn bộ tiền lãi phát sinh được Ngân hàng xác nhận quyền sở hữu tiền gửi có kỳ hạn theo hợp đồng thế chấp số 05-2022/HĐCC-CMA-QLN ngày 20/01/2022 và tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17.3. Khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam, khu vực Minh Hải là khoản vay lại từ nguồn vốn ODA với thời hạn vay là 24 năm, lãi suất cố định 5%/năm. Ngày bắt đầu giải ngân là 17/10/2006. Khoản vay dùng để đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Cà Mau. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Nợ gốc phải trả hàng năm là 1.864.742.626 VND.

Chi tiết số phát sinh khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	19.113.870.372	9.721.448.778
Số tiền vay phát sinh	46.093.000.859	48.219.730.192
Vay dài hạn đến hạn trả chuyển sang	1.864.742.626	-
Số tiền vay đã trả	(48.164.087.168)	(38.827.308.598)
Số cuối năm	<u>18.907.526.689</u>	<u>19.113.870.372</u>

18. Vay dài hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Vay dài hạn	20.043.102.682	15.692.340.308
Cộng	<u>20.043.102.682</u>	<u>15.692.340.308</u>

Chi tiết số dư khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- NH Phát triển Việt Nam, KV Minh Hải (18.1)	13.827.597.682	15.692.340.308
- NH TMCP Ngoại thương VN – CN Cà Mau (18.2)	6.215.505.000	-
Cộng	<u>20.043.102.682</u>	<u>15.692.340.308</u>

18.1. Khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam, khu vực Minh Hải là khoản vay lại từ nguồn vốn ODA với thời hạn vay là 24 năm, lãi suất cố định 5%/năm. Ngày bắt đầu giải ngân là 17/10/2006. Khoản vay dùng để đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Cà Mau. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Nợ gốc phải trả hàng năm là 1.864.742.626 VND. Khoản nợ gốc đến hạn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính được chuyển qua theo dõi ở khoản mục Vay ngắn hạn.

18.2. Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Cà Mau với hạn mức vay 7.300.000.000 VND, với thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động tài trợ các nhu cầu vốn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định.

Chi tiết số phát sinh khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	15.692.340.308	17.557.082.934
Số tiền vay phát sinh	6.215.505.000	-
Số tiền vay đã trả	(1.864.742.626)	(1.864.742.626)
Số cuối năm	<u>20.043.102.682</u>	<u>15.692.340.308</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

19. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	155.349.000.000	1.662.994.978	892.111.096	10.048.949.596	167.953.055.670
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	9.773.117.003	9.773.117.003
Lợi nhuận của XN Cấp nước và Môi trường Năm Căn nộp NS	-	-	-	(957.554.837)	(957.554.837)
Trích lập quỹ Đầu tư phát triển	-	175.973.592	-	(175.973.592)	-
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành Xí nghiệp Năm Căn	-	-	-	(37.307.331)	(37.307.331)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho CBCNV Xí nghiệp Năm Căn	-	-	-	(248.715.542)	(248.715.542)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành Công ty	-	-	-	(263.960.389)	(263.960.389)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho CBCNV Công ty	-	-	-	(1.759.735.926)	(1.759.735.926)
Chia cổ tức	-	-	-	(6.586.797.600)	(6.586.797.600)
Số dư cuối năm trước	155.349.000.000	1.838.968.570	892.111.096	9.792.021.382	167.872.101.048

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	155.349.000.000	1.838.968.570	892.111.096	9.792.021.382	167.872.101.048
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	9.245.253.939	9.245.253.939
Điều chỉnh tăng lợi nhuận năm 2021 theo Biên bản QT Thuế	-	-	-	1.256.140.572	1.256.140.572
Lợi nhuận của XN Cấp nước và Môi trường Năm Căn nộp NS	-	-	-	(505.163.405)	(505.163.405)
Trích lập quỹ Đầu tư phát triển	-	182.341.212	-	(182.341.212)	-
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành Xí nghiệp Năm Căn	-	-	-	(19.681.691)	(19.681.691)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho CBCNV Xí nghiệp Năm Căn	-	-	-	(131.211.274)	(131.211.274)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành Công ty	-	-	-	(273.511.817)	(273.511.817)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho CBCNV Công ty	-	-	-	(1.823.412.126)	(1.823.412.126)
Chia cổ tức	-	-	-	(6.835.356.000)	(6.835.356.000)
Số dư cuối năm nay	155.349.000.000	2.021.309.782	892.111.096	10.522.738.368	168.785.159.246

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Vốn góp của các cổ đông như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Cà Mau)	71,49	111.057.000.000	71,49	111.057.000.000
Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP	24,26	37.697.000.000	24,26	37.697.000.000
Các cổ đông khác	4,25	6.595.000.000	4,25	6.595.000.000
Cộng	100,00	155.349.000.000	100,00	155.349.000.000

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có
 Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

(b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	155.349.00.000	155.349.00.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	155.349.00.000	155.349.00.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.835.356.000	6.586.797.600

(c) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: chưa công bố
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: chưa công bố
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

(d) Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	15.534.900	15.534.900
- Số lượng CP đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	15.534.900	15.534.900
▪ Cổ phiếu thường	15.534.900	15.534.900
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
▪ Cổ phiếu thường	-	-
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.534.900	15.534.900
▪ Cổ phiếu thường	15.534.900	15.534.900
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Cung cấp nước	113.610.314.200	108.062.417.119
- Lắp đặt ống nhánh, xây lắp	2.510.125.938	2.384.320.212
- Dịch vụ khác	8.368.626	8.814.542
Cộng	116.128.808.764	110.455.551.873

2. Giá vốn hàng bán

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Giá vốn hàng bán – Dịch vụ cấp nước	79.383.739.060	80.852.119.285
- Giá vốn hàng bán – Dịch vụ LĐON, XL	1.085.386.989	1.708.820.004
- Dịch vụ khác	-	-
Cộng	80.469.126.049	82.560.939.289

3. Doanh thu hoạt động tài chính

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Thu lãi tiền gửi ngân hàng	28.323.920	19.435.705
- Thu lãi từ ký quỹ	7.251	7.237
Cộng	28.331.171	19.442.942

4. Chi phí bán hàng

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nhân viên bán hàng	2.655.796.149	2.681.765.770
- Chi phí bằng tiền khác	1.289.237.842	2.373.761.761
Cộng	3.945.033.991	5.055.527.531

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	10.570.577.752	10.528.284.468
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.161.143.819	1.238.609.404
- Thuế, phí và lệ phí	112.868.560	40.953.296
- Chi phí bằng tiền khác	6.497.986.612	6.568.698.105
Cộng	18.342.576.743	18.376.545.273

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Thu nhập khác

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Xử lý công nợ	-	10.718.080.846
- Phí BVMT được hưởng	558.113.273	-
- Thu hồi vật tư thừa và bán phế liệu	74.293.554	29.999.888
- Thu khác	197.255	4.385
Cộng	632.604.082	10.748.085.119

7. Chi phí khác

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Thu do thanh lý TSCĐ	-	100.000.000
- Chi do thanh lý TSCĐ	-	(1.379.807.651)
Lỗ từ thanh lý TSCĐ	-	(1.279.807.651)
- Chi phạt vi phạm hành chính	50.434.696	-
- Chi phí khác	-	1.546.370
Cộng	50.434.696	1.281.354.021

8. Lãi trên cổ phiếu

8.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận sau thuế	9.245.253.939	9.773.117.003
- Trừ Lợi nhuận sau thuế của XN Năm Căn	(92.668.368)	(505.163.405)
- Trừ Quỹ khen thưởng – phúc lợi của XN Năm Căn	-	(150.892.965)
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty Cổ phần	9.152.585.571	9.117.060.633
- Trừ Quỹ khen thưởng – phúc lợi	-	(2.096.923.943)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.152.585.571	7.020.136.690
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	15.534.900	15.534.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	589	452

8.2. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 được tính theo lợi nhuận sau thuế đã trừ phần lợi nhuận của Xí nghiệp Năm Căn phải nộp Ngân sách và Quỹ khen thưởng phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Việc áp dụng quy định này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 giảm từ 629 VND/CP xuống còn 452 VND/CP.

Riêng năm 2022, do chưa xác định được Quỹ khen thưởng phúc lợi được phép trích lập nên tạm tính trên toàn bộ lợi nhuận sau thuế của Công ty cổ phần.

0-001
 HANH
 Y TNHH
 TOAN
 VIET
 P. CÁN

1019
 G TY
 PHAN
 NUOC
 MAU
 T. C

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên vật liệu	16.233.496.806	16.858.095.276
- Chi phí nhân công	36.773.007.920	35.721.037.386
- Chi phí khấu hao TSCĐ	22.638.531.365	27.693.194.563
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.934.583.379	14.481.421.606
- Chi phí khác bằng tiền	11.945.933.465	10.113.065.947
Cộng	101.525.552.935	104.866.814.778

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
Tiền giữ chờ quyết toán với Ngân sách	27.500.000.000	26.722.496.000
Trong đó		
- Các khoản phải trả Ngân sách chờ quyết toán	21.327.598.885	21.176.671.932
- Lãi tiền gửi lũy kế từ khoản tiền chờ quyết toán với Ngân sách	6.172.401.115	5.545.824.068

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Công nợ tiềm tàng

Theo nghị định số 99/2010/NC-CP ngày 24/9/2010 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, Công ty thuộc các đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng và phải nộp vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của địa phương. Tuy nhiên, theo công văn số 4988/UBND-KT ngày 27/7/2016 của UBND tỉnh Cà Mau thì Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh Cà Mau chưa thành lập, đồng thời các cơ quan có thẩm quyền chưa có văn bản hướng dẫn Công ty thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng. Do đó, Công ty chưa thực hiện ghi nhận và phản ánh nghĩa vụ phải trả tương ứng với giá trị ước tính từ năm 2011 đến 31/12/2022 là 8.267.170.564 VND (tại ngày 31/12/2021 là 7.251.308.444 VND). Khoản này, về nguyên tắc sẽ cấu thành trong giá bán nước, Công ty chỉ có nghĩa vụ thu hộ và nộp lại cho Ngân sách.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Thu nhập của Hội đồng quản trị	549.474.000	432.000.000
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	2.011.495.818	1.524.000.000
- Thu nhập của Ban kiểm soát	743.419.980	709.045.715
Tổng thu nhập	3.304.389.798	2.665.045.715

2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

<i>Bên liên quan khác</i>	<i>Quan hệ</i>
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Cà Mau	Cổ đông lớn
Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP	Cổ đông lớn

Công nợ với các bên liên quan khác

<i>Bên liên quan</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Cà Mau		
- Phải thu liên quan đến công tác cổ phần hóa	35.353.167.395	32.789.450.359
- Phải trả liên quan đến công tác cổ phần hóa và phải trả Ngân sách khác	(116.100.298.321)	(114.567.490.144)
Chênh lệch phải trả	(80.747.130.926)	(81.778.039.785)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Như đã thuyết minh chi tiết công nợ phải thu ngắn hạn khác và phải trả ngắn hạn khác tại Bản thuyết minh này tại mục V.5 và V.16, do bản chất của các khoản công nợ phải thu, phải trả này kéo dài nhiều năm chưa được quyết toán với Ngân sách nên Công ty đề nghị không bù trừ công nợ phải thu, phải trả này khi lên Bảng cân đối kế toán và cần thuyết minh rõ chi tiết nội dung từng khoản nợ trên thuyết minh.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty chưa phát sinh giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ tập trung trong địa bàn tỉnh Cà Mau. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực cấp nước. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

4. Điều chỉnh hồi tố

Trong kỳ, Công ty đã điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu của số liệu so sánh, do xác định lại lợi nhuận sau thuế của cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số lợi nhuận sau thuế của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn thuộc vốn Ngân sách Công ty quản lý hộ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ – ĐHĐCĐ ngày 20/6/2022, cụ thể:

Mã số	Chỉ tiêu	Năm 2021 (trước điều chỉnh)	Năm 2021 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	629	452	(177)

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

NGƯỜI LẬP



TRẦN NGỌC THÚY

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUỲNH THIỆN TRÍ

Cà Mau ngày 22 tháng 03 năm 2023
TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN HOÀNG KHỆN

